



# MARKET INSIGHTS REPORTS

30.09.2024

LỮỖNG LỰ



# NỘI DUNG CHÍNH

- 03 - 04** CHUYÊN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
- 05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
- 06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT  
*Đang kiểm tra vùng hỗ trợ*
- 07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
- 07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
- 08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
- 08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
- 09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY  
*Sản lượng tiêu thụ các doanh nghiệp thép tiếp tục tăng và giá thép đang hồi phục*  
*Tăng trưởng dân số quyết định sự tăng trưởng của quốc gia*
- 10** TTCK MỸ  
*Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng giảm đan xen vào phiên giao dịch tới nay.*

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



## ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

### HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	464
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	153
Số cổ phiếu giảm giá	241
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	70

### HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	223
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	61
Số cổ phiếu giảm giá	98
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	64

### UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	373
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	113
Số cổ phiếu giảm giá	159
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	101

## GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	42,067.15	64,092.52	(22,025.37)
% KL toàn thị trường	5.62%	8.56%	
Giá trị	1,417,146	1,920,902	(503,756)
% GT toàn thị trường	8.70%	11.79%	

### HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	936.00	3,515.84	(2,579.84)
% KL toàn thị trường	5.62%	8.56%	
Giá trị	23,678	102,817	(79,139)
% GT toàn thị trường	2.06%	8.96%	

### UPCOM

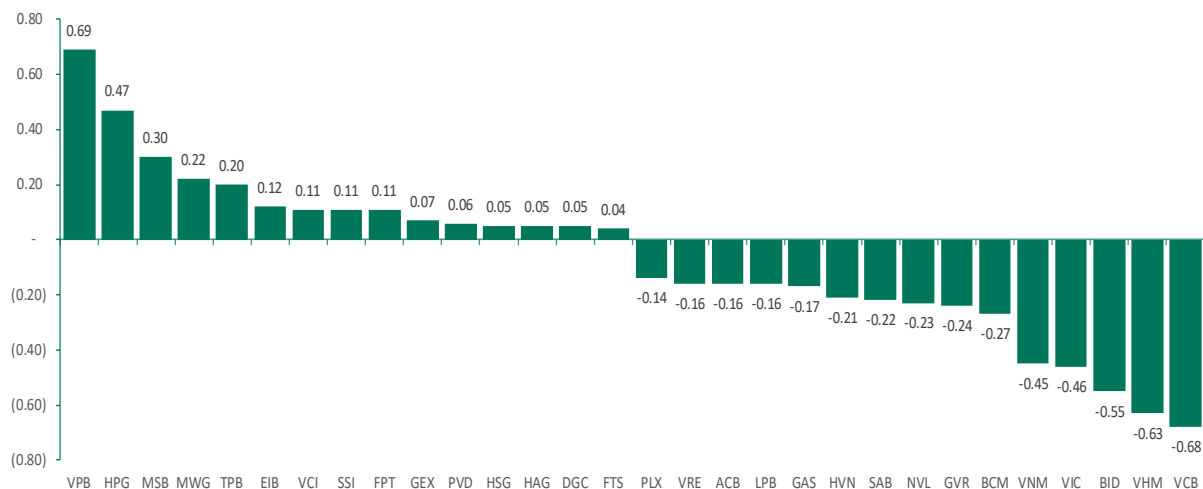
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	844.07	59.77	784.30
% KL toàn thị trường	1.84%	0.13%	
Giá trị	8,678	3,350	5,328
% GT toàn thị trường	1.24%	0.48%	

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,276,900	92,000	-500 (-0.54%)	15.16	2.83	6,067	514,196
2	BID	2,190,600	49,700	-400 (-0.8%)	11.77	2.10	4,223	283,312
3	CTG	4,842,500	36,950	-50 (-0.14%)	9.29	1.46	3,977	198,421
4	FPT	3,030,500	134,500	300 (0.22%)	23.94	5.99	5,618	196,430
5	VHM	9,129,100	42,800	-600 (-1.38%)	8.01	0.90	5,341	186,367
6	GAS	646,900	73,200	-300 (-0.41%)	14.70	2.37	4,981	171,484
7	TCB	21,491,800	24,200	0 (0%)	3.97	0.62	6,098	170,490
8	HPG	37,425,200	26,350	300 (1.15%)	13.82	1.55	1,906	168,541
9	VIC	2,924,300	42,000	-500 (-1.18%)	43.98	0.99	955	160,594
10	VPB	26,723,800	20,100	350 (1.77%)	13.09	1.16	1,535	159,472

## TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



## TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
<b>Tất cả</b>	<b>-0.32%</b>	<b>+35.76%</b>	<b>1,698</b>
<b>Tài chính</b>	<b>-0.02%</b>	<b>+22.56%</b>	103
> Tổ chức tín dụng	-0.11%	+24.12%	29
> Dịch vụ tài chính	+0.80%	+13.94%	61
> Bảo hiểm	-0.23%	+11.24%	13
<b>Bất động sản</b>	<b>-0.90%</b>	<b>+0.41%</b>	142
<b>Công nghiệp</b>	<b>-0.79%</b>	<b>+69.36%</b>	390
> Vận tải	-1.12%	+92.46%	134
> Tư liệu sản xuất	+0.14%	+18.17%	212
> Dịch vụ chuyên biệt và thương mại	-1.35%	+163.01%	44
<b>Tiêu dùng thiết yếu</b>	<b>-0.40%</b>	<b>+38.11%</b>	162
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.40%	+38.07%	155
> Đồ gia dụng và cá nhân	-1.31%	+43.07%	6
> Bán lẻ thực phẩm và nhu yếu phẩm	+3.17%	+452.99%	1
> Nguyên vật liệu	+0.01%	+21.68%	257
> Tiện ích	-0.03%	+10.30%	148
<b>Tiêu dùng không thiết yếu</b>	<b>+0.06%</b>	<b>+35.32%</b>	263
> Phân phối và bán lẻ hàng lâu bền	-0.14%	+43.56%	126
> Hàng tiêu dùng và trang trí	+0.64%	+25.24%	92
> Dịch vụ tiêu dùng	+0.98%	-20.65%	33
> Xe và linh kiện	-0.46%	-9.15%	12
<b>Viễn thông</b>	<b>-1.26%</b>	<b>+216.98%</b>	49
> Viễn thông	-1.23%	+266.85%	22
> Truyền thông giải trí	-1.73%	-19.35%	27
<b>Công nghệ thông tin</b>	<b>+0.18%</b>	<b>+58.73%</b>	14
> Phần mềm	+0.19%	+59.00%	7
> Phần cứng	-2.72%	+18.35%	5
> Bán dẫn	0%	-3.22%	2
<b>Năng lượng</b>	<b>-1.14%</b>	<b>+42.95%</b>	21
<b>Chăm sóc sức khỏe</b>	<b>-0.53%</b>	<b>+26.43%</b>	49
> Dược phẩm - sinh học	-0.55%	+28.01%	44
> Chăm sóc sức khỏe	-0.20%	+5.80%	5

### Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 2.98 điểm (- 0.23%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

#### (1) Bán lẻ thực phẩm nhu yếu phẩm, dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ tài chính, hàng tiêu dùng và trang trí, phần mềm, tư liệu sản xuất, nguyên vật liệu... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày.

Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ HVA, DSP, NVT, VNG, SSI, HCM, VCI, VIX, FTS, GEX, VGT, TCM, GIL, PAC, TNG, VGG, FPT, VEA, VCG, FCN, HPG, HSG, DGC, DCM... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

##### (i) GEX tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá có Break out đường trung bình động MA(50) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ RSI(14) và giá đều thiết lập mốc cao mới – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 53%;

##### (ii) VCG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng co hẹp cho thấy cổ phiếu vẫn đi ngang với hỗ trợ 18 và kháng cự 19.2;
- ✓ Một Break Out hoặc Break Down sẽ xác nhận xu hướng giá cổ phiếu – Tín hiệu quan sát;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 58%;

##### (iii) HPG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá vượt lên kháng cự động MA(50) – Tín hiệu đảo chiều xu hướng cần chú ý;
- ✓ RSI(14) thiết lập mốc cao mới – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá thép đang tăng mạnh sau gói kích thích của Trung Quốc là tin tức hỗ trợ cho đà tăng giá của cổ phiếu;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 53%;

##### (iv) DGC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng co hẹp lại – Tín hiệu cảnh báo sắp có biến động mạnh về giá cổ phiếu;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(2) Truyền thông giải trí, phần cứng, dịch vụ chuyên biệt và thương mại, đồ gia dụng và cá nhân, viễn thông, năng lượng, vận tải, bất động sản, dược phẩm sinh học, xe và linh kiện, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, bảo hiểm... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như VNZ, YEG, POT, VEF, TV2, LIX, NET, VGI, FOX, CTR, BSR, PVS, TMB, ACV, HVN, VOS, VJC, MVN, GMD, PVT, VTP, VHM, VIC, BCM, VRE, NVL, PDR, NLG, SIP DHG, IMP, DRC, CSM, VNM, MSN, SAB, BVH, ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

##### (i) PVT giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng thu hẹp cho thấy cổ phiếu đi ngang với hỗ trợ 27 và kháng cự 28.5;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 58%;

##### (ii) NVL giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng dưới mở ra hỗ trợ giá xuống – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Thông tin BCTC 6T/2024 kiểm toán ghi nhận khoản lỗ hơn 7,000 tỷ là tin tức tiêu cực đối với cổ phiếu. Như đã nhiều lần chia sẻ, NVL mới qua điểm đỡ vỡ nhưng cần rất nhiều thời gian để tái cấu trúc;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

##### (iii) PDR giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều giữa giá và RSI(14) – Tín hiệu cản trở đà tăng giá;
- ✓ Dải băng co hẹp cho thấy cổ phiếu có thể đi ngang quanh vùng giá 20 – 24;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 61%;

##### (iv) DRC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang nằm trên vùng hỗ trợ động MA(200) – Tín hiệu hỗ trợ dài hạn;
- ✓ Failure Swing cảnh báo sự đảo chiều ở đáy – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

## VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Candle”. Khối lượng giao dịch giảm những vẫn nằm trên mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng – Tín hiệu không quá tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 734 tỷ đồng. Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FPT, SSI, KDH, VHM, VCB, FUEVFVND, TCM, BAF, HCM, HHV... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: HPG, STB, VPB, GMD, VRE, PVS, TCB, FRT, DPM, MSN...

(ii) Chỉ số hôm nay đã có một Break out đường viền cổ của mô hình vai đầu vai. Với hai cây nến có khoảng trống giá, thị trường chịu áp lực bán trong ngày hôm nay và đóng cửa trong sắc đỏ. Về cơ bản tín hiệu này giống như việc chỉ số sẽ kiểm tra lại đường kháng cự của mẫu hình vai đầu vai và nay trở thành đường hỗ trợ.

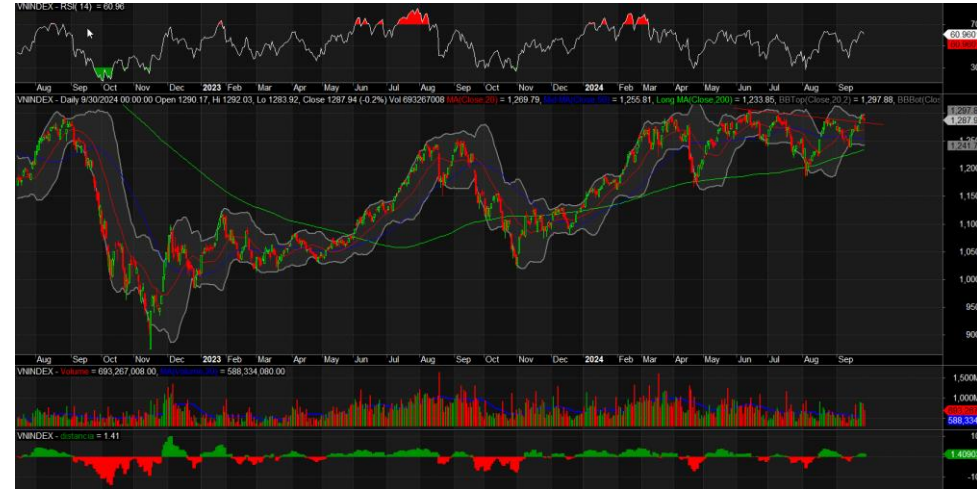
(iii) Về dòng tiền, diễn biến hôm nay có vẻ tương tự như kỳ vọng của chúng tôi khi nhóm ngân hàng chững lại đôi chút và nhóm bất động sản chịu áp lực bán do hiệu ứng NVL. Nhóm ngành thép hồi phục tăng giá tốt. Số liệu cho thấy tháng 8 tiếp tục là tháng tiêu thụ mạnh của ngành thép trên cả thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu (Tăng 20.70% YoY và tăng 2.35% MoM). Chúng tôi lưu ý từ cuối tháng 8 sẽ thép đã ngừng giảm và tăng trở lại thời gian gần đây. Như vậy, có thể nói rằng ngành thép dù gặp khó khăn trong Q3/2024 do giá giảm nhưng có thể không quá tiêu cực như những đánh giá ban đầu).

(iv) Để giải quyết các khó khăn, hạn chế, vướng mắc, điểm nghẽn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ĐTC, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ KH&ĐT dự thảo, lấy ý kiến sửa đổi Luật Đầu tư công (2019). Luật Đầu tư công (sửa đổi) được dự thảo bao hàm 29 chính sách mới với 5 nhóm chính sách sửa đổi chính, gồm: (i) thể chế hóa các cơ chế, chính sách thí điểm, đặc thù đã được Quốc hội cho phép áp dụng; (ii) tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; (iii) nâng cao chất lượng chuẩn bị đầu tư, khai thác nguồn lực, năng lực thực hiện dự án đầu tư công của địa phương, doanh nghiệp nhà nước; (iv) thúc đẩy thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; (v) đơn giản hóa trình tự, thủ tục; bổ sung, làm rõ các khái niệm, thuật ngữ, quy định, bảo đảm đồng bộ, thống nhất hệ thống pháp luật. Chính phủ dự kiến trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn và xem xét thông qua tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV theo quy trình 01 kỳ họp.

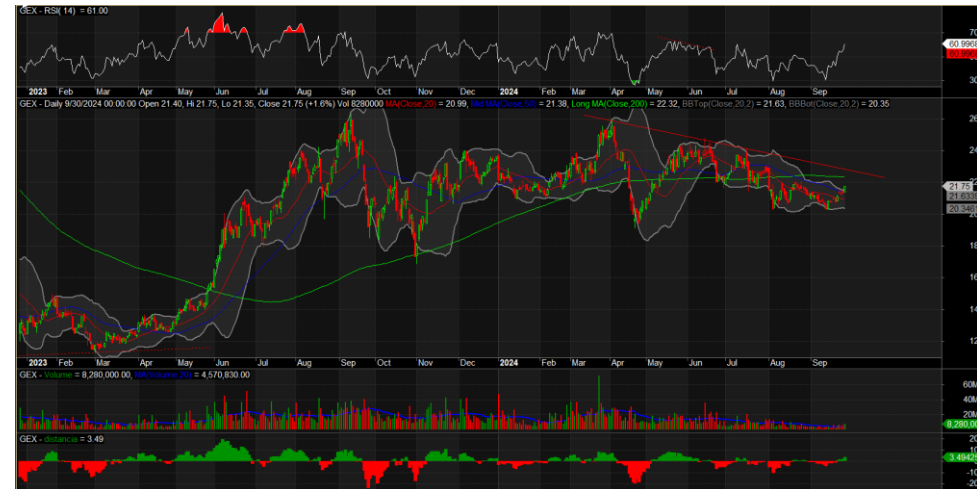
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 10 mã cho tín hiệu mua, 11 mã cho tín hiệu bán, 09 mã cho tín hiệu đi ngang. SAB, VPB, BID, SSI, CTG...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 28.57% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ tăng điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 3. Hỗ trợ là 1,255 điểm và kháng cự là 1,315 điểm.

## Biểu đồ chỉ số VN-Index



## Biểu đồ cổ phiếu GEX



## HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	514.14	514.46	513.81	YES	516.15	518.83	520.84	523.52	511.46	509.45	506.77	504.76
HNXINDEX	235.09	235.18	235	YES	235.84	236.78	237.53	238.47	234.15	233.4	232.46	231.71
UPIINDEX	93.6	93.63	93.58	YES	94.13	94.69	95.22	95.78	93.04	92.51	91.95	91.42
VN30	1351.22	1350.55	1351.89	YES	1356.25	1359.95	1364.98	1368.68	1347.52	1342.49	1338.79	1333.76
VNINDEX	1287.96	1287.98	1287.95	YES	1292.01	1296.07	1300.12	1304.18	1283.9	1279.85	1275.79	1271.74
VNXALL	2131.78	2130.72	2132.83	YES	2139.53	2145.18	2152.93	2158.58	2126.13	2118.38	2112.73	2104.98
VN30F1M	1354.57	1353.35	1355.78	YES	1359.43	1361.87	1366.73	1369.17	1352.13	1347.27	1344.83	1339.97
VN30F1Q	1352.73	1352.35	1353.12	YES	1355.27	1357.03	1359.57	1361.33	1350.97	1348.43	1346.67	1344.13
VN30F2M	1355.6	1354.5	1356.7	YES	1360	1362.2	1366.6	1368.8	1353.4	1349	1346.8	1342.4
VN30F2Q	1354.4	1353.45	1355.35	YES	1358.2	1360.1	1363.9	1365.8	1352.5	1348.7	1346.8	1343
ACB	25.8	25.83	25.78	YES	25.9	26.05	26.15	26.3	25.65	25.55	25.4	25.3
BCM	70.5	70.65	70.35	NO	71	71.8	72.3	73.1	69.7	69.2	68.4	67.9
BID	49.83	49.9	49.77	NO	50.07	50.43	50.67	51.03	49.47	49.23	48.87	48.63
BVH	43	43.07	42.93	NO	43.15	43.45	43.6	43.9	42.7	42.55	42.25	42.1
CTG	36.93	36.93	36.94	YES	37.22	37.48	37.77	38.03	36.67	36.38	36.12	35.83
FPT	134	133.75	134.25	NO	135	135.5	136.5	137	133.5	132.5	132	131
GAS	73.27	73.3	73.23	YES	73.53	73.87	74.13	74.47	72.93	72.67	72.33	72.07
GVR	35.82	35.85	35.78	YES	36.03	36.32	36.53	36.82	35.53	35.32	35.03	34.82
HDB	28.12	28.08	28.16	NO	28.48	28.77	29.13	29.42	27.83	27.47	27.18	26.82
HPG	26.37	26.38	26.36	YES	26.58	26.82	27.03	27.27	26.13	25.92	25.68	25.47
MBB	25.65	25.63	25.67	YES	25.85	26	26.2	26.35	25.5	25.3	25.15	24.95
MSN	75.97	76.1	75.83	NO	76.33	76.97	77.33	77.97	75.33	74.97	74.33	73.97
MWG	67.7	67.5	67.9	NO	68.5	68.9	69.7	70.1	67.3	66.5	66.1	65.3
PLX	44.68	44.78	44.59	NO	44.87	45.23	45.42	45.78	44.32	44.13	43.77	43.58
POW	13.03	13	13.07	NO	13.17	13.23	13.37	13.43	12.97	12.83	12.77	12.63
SAB	58.1	58.25	57.95	NO	58.5	59.2	59.6	60.3	57.4	57	56.3	55.9
SHB	11	11	11	YES	11.1	11.2	11.3	11.4	10.9	10.8	10.7	10.6
SSB	16.98	16.95	17.02	NO	17.12	17.18	17.32	17.38	16.92	16.78	16.72	16.58
SSI	27.77	27.7	27.83	NO	28.28	28.67	29.18	29.57	27.38	26.87	26.48	25.97
STB	33.4	33.43	33.38	YES	33.6	33.85	34.05	34.3	33.15	32.95	32.7	32.5
TCB	24.17	24.15	24.18	YES	24.38	24.57	24.78	24.97	23.98	23.77	23.58	23.37
TPB	17.17	17.15	17.18	YES	17.48	17.77	18.08	18.37	16.88	16.57	16.28	15.97
VCB	92.17	92.25	92.08	YES	92.33	92.67	92.83	93.17	91.83	91.67	91.33	91.17
VHM	42.95	43.03	42.88	NO	43.35	43.9	44.3	44.85	42.4	42	41.45	41.05
VIB	19.32	19.33	19.31	YES	19.43	19.57	19.68	19.82	19.18	19.07	18.93	18.82
VIC	42.2	42.3	42.1	NO	42.4	42.8	43	43.4	41.8	41.6	41.2	41
VJC	104.83	104.75	104.92	YES	105.37	105.73	106.27	106.63	104.47	103.93	103.57	103.03
VNM	70.4	70.55	70.25	NO	70.7	71.3	71.6	72.2	69.8	69.5	68.9	68.6
VPB	19.97	19.9	20.03	NO	20.28	20.47	20.78	20.97	19.78	19.47	19.28	18.97
VRE	19.2	19.25	19.15	NO	19.3	19.5	19.6	19.8	19	18.9	18.7	18.6

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

## CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
NVL	30,198,100	11,027,350	274	-4.33
MSB	24,823,700	9,536,490	260	3.57
OCB	4,453,500	1,849,820	241	0.41
<b>VGT</b>	<b>3,313,500</b>	<b>1,004,920</b>	<b>329.73</b>	<b>4.29</b>
DNP	3,298,700	2,010	164,114	-8.58
HUT	2,622,700	1,273,720	206	0
<b>SHI</b>	<b>1,697,300</b>	<b>465,630</b>	<b>364.52</b>	<b>-1.01</b>
GMD	1,178,100	554,750	212	-0.64
TLH	1,026,200	449,440	228	2.74
<b>GIL</b>	<b>719,700</b>	<b>264,820</b>	<b>271.77</b>	<b>2.45</b>
SBG	700,100	266,540	263	2.24
DBD	689,400	227,560	303	0.33
JVC	535,300	262,470	204	0
DC4	412,600	205,210	201	-0.91
<b>D2D</b>	<b>374,000</b>	<b>66,620</b>	<b>561.39</b>	<b>6.02</b>
ABW	362,700	136,100	267	1.14
DSC	356,300	105,390	338	2.11
CTF	314,900	151,320	208	-1
BMI	312,700	131,820	237	0
<b>PV2</b>	<b>306,000</b>	<b>93,030</b>	<b>328.93</b>	<b>-3.85</b>
PXL	272,400	70,140	388	2.24
CRE	235,200	98,180	240	0.29
VTD	226,500	105,520	215	1.32
KGM	206,300	24,320	848	1.27
<b>MCO</b>	<b>177,500</b>	<b>86,570</b>	<b>205.04</b>	<b>9.52</b>
SBB	161,300	73,970	218	-1.6
PLC	146,800	70,830	207	-0.4
VIT	145,300	15,060	965	-2.5
PAC	138,100	18,920	730	5.81
TDT	129,100	59,860	216	1.45
HID	114,500	52,120	220	2.15
SDD	101,700	33,470	304	-5.88
MCM	95,300	33,040	288	0
PSD	93,400	25,850	361	2.36
VE1	91,300	5,690	1,605	0
DIH	90,100	10,330	872	-4.4
STH	86,600	28,790	301	0
PCG	77,500	15,330	506	4.41
HGM	73,400	29,470	249	7.2
DVC	60,000	26,600	226	0

- Lưu ý: NVL, MSB...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
30-Sep	HSG	Mua	≤ 22	10% -20%	Giá thép đang có xu hướng tăng trở lại
30-Sep	VCG	Mua	≤ 19	10% -20%	Chờ đợi hệ thống pháp luật đầu tư đầu tư công mới được sửa đổi trong tháng 10/2025
30-Sep	GEX	Mua	≤ 22	10% -20%	Cổ phiếu có tính chất đầu cơ cao

## Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 03 CỔ PHIẾU MỚI**;

## Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Trong tuần từ 23/09 - 27/09, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng – giảm đan xen. Chốt ngày 27/09, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.118 VND/USD, giảm tiếp 30 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. NHNN tiếp tục niêm yết tỷ giá mua giao ngay ở mức 23.400 VND/USD ở tất cả các phiên trong khi niêm yết tỷ giá bán giao ngay chốt ngày 27/09 ở mức 25.273 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Tỷ giá LNH trong tuần từ 23/09 - 27/09 tăng mạnh phiên đầu tuần rồi giảm trở lại. Kết thúc phiên 27/09, tỷ giá LNH đóng cửa tại 24.608, chỉ giảm nhẹ 02 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Tỷ giá trên thị trường tự do biến động theo xu hướng tăng. Chốt phiên 27/09, tỷ giá tự do tăng 145 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 25.110 VND/USD và 25.210 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Tuần từ 23/09 - 27/09, lãi suất VND LNH tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống. Chốt ngày 27/09, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 4,24% (+0,70 đpt); 1W 4,38% (+0,65 đpt); 2W 4,38% (+0,55 đpt); 1M 4,36% (+0,33 đpt). Lãi suất USD LNH trong tuần ít biến động ở tất cả các kỳ hạn. Phiên 27/09, lãi suất USD LNH đóng cửa ở mức: ON 4,83% (-0,01 đpt); 1W 4,89% (không thay đổi); 2W 4,93% (-0,02 đpt) và 1M 4,97% (không thay đổi).
- Thị trường mở:** Trên thị trường mở tuần qua từ 23/09 - 27/09, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 79.000 tỷ đồng, lãi suất giữ nguyên ở mức 4,0%. Có 67.359,15 tỷ đồng trúng thầu và có 1.511,6 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN và cũng không có khối lượng đáo hạn trên kênh này. Như vậy, NHNN bơm ròng 65.847,55 tỷ đồng ra thị trường trong tuần qua bằng kênh thị trường mở. Khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố ở mức 67.359,15 tỷ đồng, không còn khối lượng tín phiếu lưu hành.

## Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

## Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;



# BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY



## Sản lượng tiêu thụ các doanh nghiệp thép tiếp tục tăng và giá thép đang hồi phục

### BÁN HÀNG CỦA VSA

Timeline	2024 08	2024 07	2024 06	2024 05	2024 04	2024 03	2024 02	2024 01	2023 12
Thép xây dựng	981.62	967.66	957.77	1,108.07	1,192.91	969.54	594.81	999.85	1,173.42
Ống thép	215.17	216.90	197.36	226.37	230.91	180.42	160.86	253.88	232.01
Tôn mạ & SPM	480.80	464.38	445.41	475.40	536.47	440.53	386.02	451.65	464.79
Thép cuộn cán nguội	224.34	237.09	212.03	223.48	220.25	232.25	142.96	198.65	220.12
HRC	620.10	578.03	550.06	521.77	491.80	580.54	568.10	602.10	596.51
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,522.50</b>	<b>2,464.06</b>	<b>2,362.62</b>	<b>2,555.09</b>	<b>2,672.34</b>	<b>2,403.26</b>	<b>1,852.74</b>	<b>2,440.44</b>	<b>2,686.84</b>
<i>Xuất khẩu</i>	<i>789.21</i>	<i>681.27</i>	<i>662.48</i>	<i>597.37</i>	<i>703.88</i>	<i>701.21</i>	<i>729.51</i>	<i>820.18</i>	<i>682.08</i>
<i>Tiêu thụ nội địa</i>	<i>1,733.29</i>	<i>1,782.79</i>	<i>1,700.14</i>	<i>1,957.72</i>	<i>1,968.46</i>	<i>1,702.06</i>	<i>1,123.23</i>	<i>1,620.26</i>	<i>2,004.76</i>

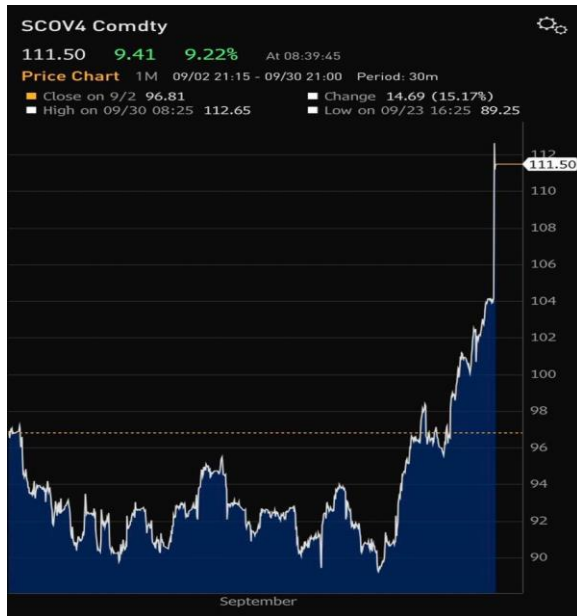
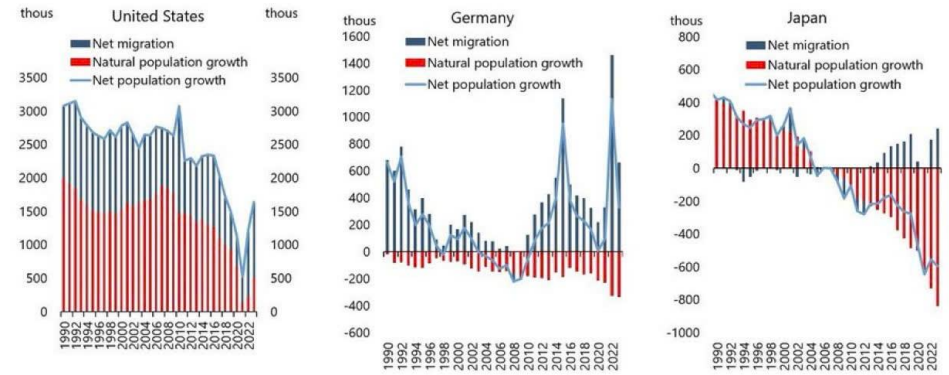
  

%YOY_THÁNG	2024 08	2024 07	2024 06	2024 05	2024 04	2024 03	2024 02	2024 01	2023 12
Thép xây dựng	11.42%	17.55%	9.53%	19.45%	62.18%	8.87%	-33.35%	32.36%	14.17%
Ống thép	18.18%	-4.77%	-2.87%	10.95%	21.41%	-10.11%	-16.58%	27.24%	5.79%
Tôn mạ & SPM	32.17%	29.73%	22.61%	25.56%	51.63%	24.07%	18.95%	85.87%	32.32%
Thép cuộn cán nguội	31.23%	78.48%	44.31%	42.32%	33.50%	23.11%	-1.85%	85.05%	41.91%
HRC	26.04%	-9.34%	-4.05%	-18.71%	-16.31%	-0.23%	7.13%	61.99%	46.83%
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.70%</b>	<b>13.06%</b>	<b>9.33%</b>	<b>10.65%</b>	<b>31.50%</b>	<b>8.41%</b>	<b>-11.17%</b>	<b>45.53%</b>	<b>24.41%</b>
<i>Xuất khẩu</i>	<i>12.53%</i>	<i>-3.11%</i>	<i>-8.93%</i>	<i>-29.97%</i>	<i>9.65%</i>	<i>7.80%</i>	<i>40.24%</i>	<i>68.59%</i>	<i>30.95%</i>
<i>Tiêu thụ nội địa</i>	<i>24.83%</i>	<i>20.77%</i>	<i>18.59%</i>	<i>34.45%</i>	<i>41.60%</i>	<i>8.66%</i>	<i>-28.25%</i>	<i>36.10%</i>	<i>22.33%</i>

## Tăng trưởng dân số quyết định sự tăng trưởng của quốc gia

Demographics: Comparing US, Germany, and Japan

APOLLO



Disney tìm được hỗ trợ dài hạn ?



Oxy có giữ vững hỗ trợ MA(200) lúc này ?



Google – Kháng cự trở thành hỗ trợ mạnh



Ngành năng lượng sẽ thiết lập sóng tăng giá cấu trúc ?



**Kết luận:** Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng giảm đan xen vào phiên giao dịch tối nay.

(\*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



## CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 [trungtamcskh@aas.com.vn](mailto:trungtamcskh@aas.com.vn)

Mở tài khoản ngay

